CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thuốc thú y Trung ương I

Ngày 30/09/2025	6,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**-3.2%**	**-9.0%**

DT thuần
Q3/25
30.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.60| 17.7%
YoY: ▲ 7.70| 33.6%

LN thuần
Q3/25
1.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.96| 189%
YoY: ▲ 1.30| 766%

LN sau thuế
Q3/25
1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.41| -56.3%
YoY: ▲ 0.48| 79.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.3%
YoY: +/-▼ 7.7%

ROE (TTM)
Q3/25
5.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

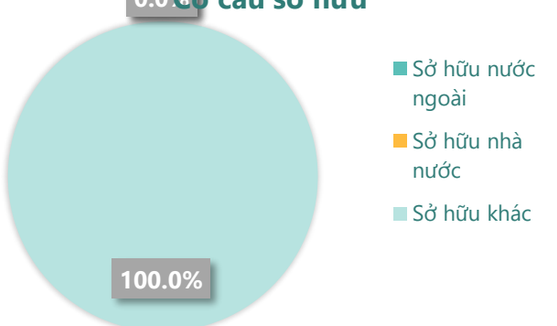
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,900 - 7,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	99
Số lượng CPLH (CP)	16,249,956
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,145
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.03
EPS	363
P/E	16.8

DT thuần
9T 2025
79.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 3.8%

LN thuần
9T 2025
2.73
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 57.7%

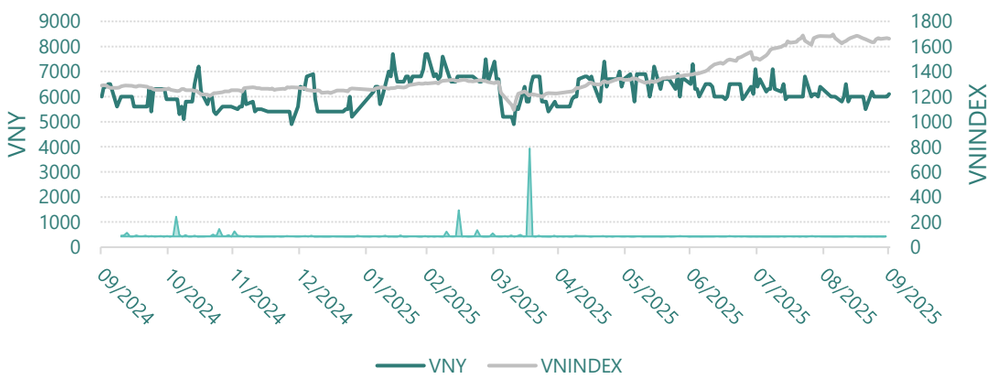
LN sau thuế
9T 2025
4.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.47| 145%

Cơ cấu sở hữu

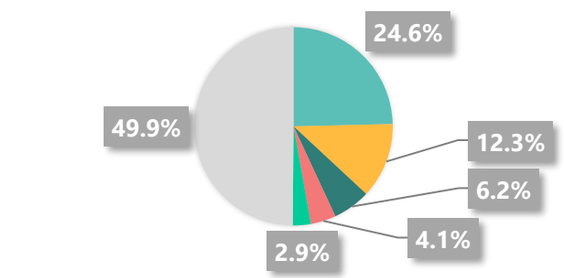


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

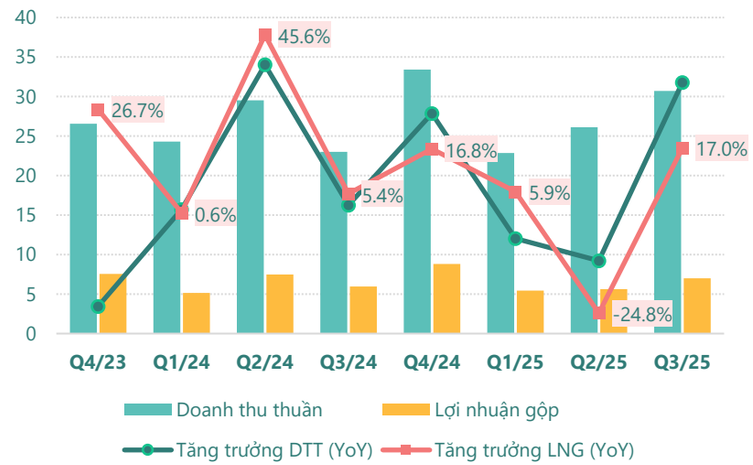


- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Chu Văn Chung
- Lê Chí Cường
- Nguyễn Thị Hương
- Thân Hoài Nhân

(Nguồn: fireant.vn)

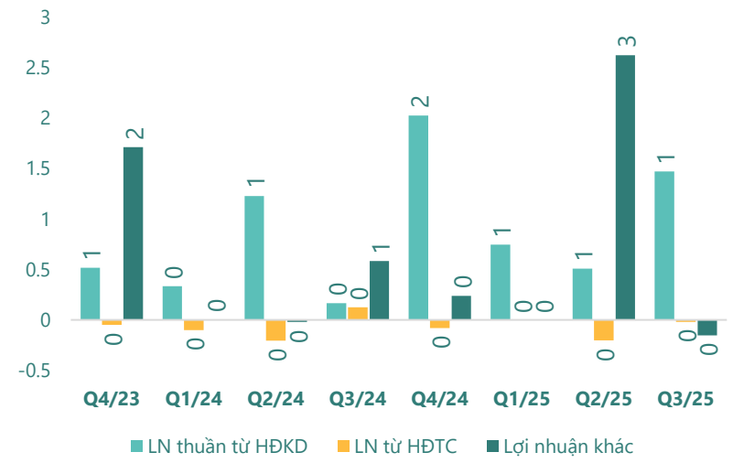
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



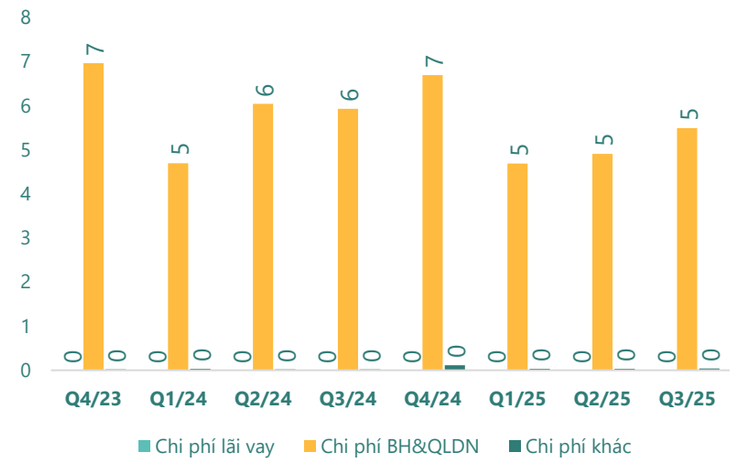
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



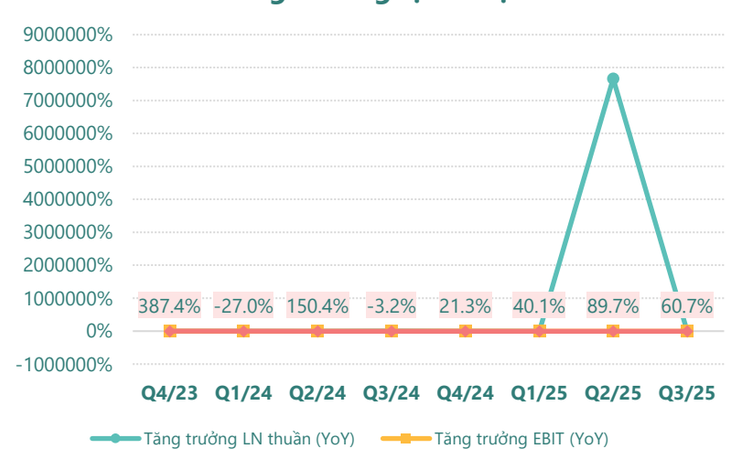
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



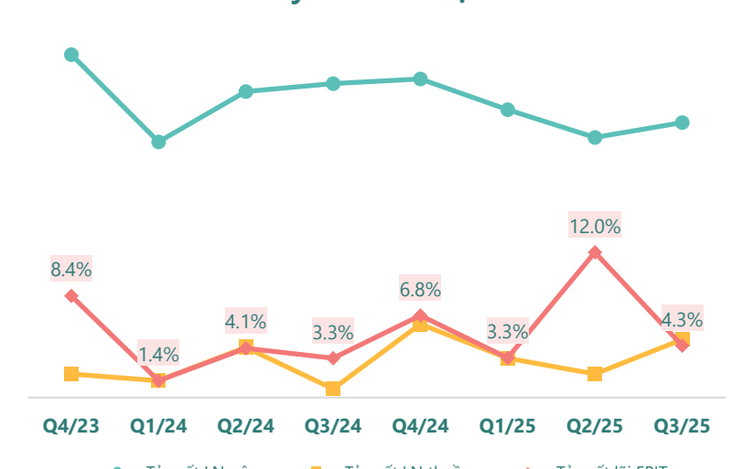
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



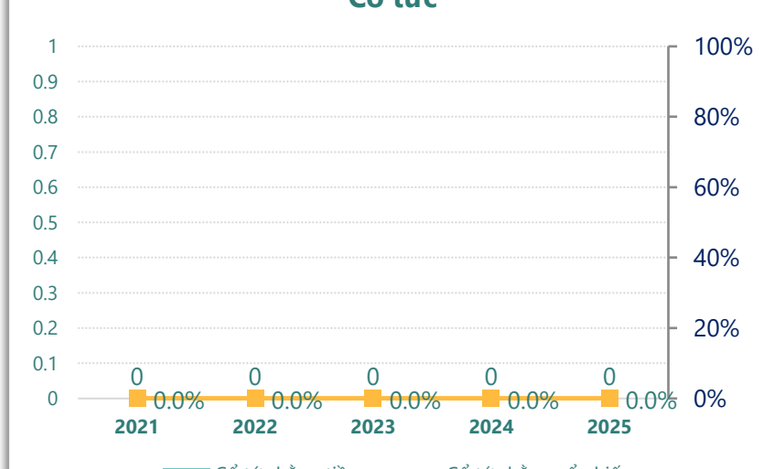
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

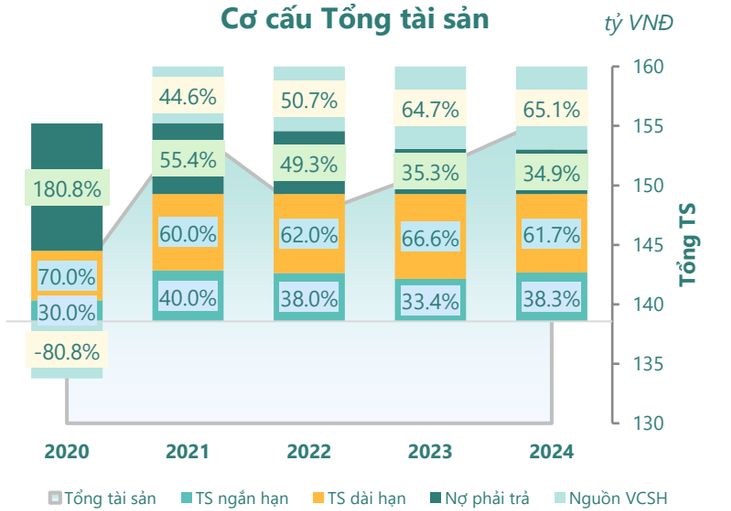
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

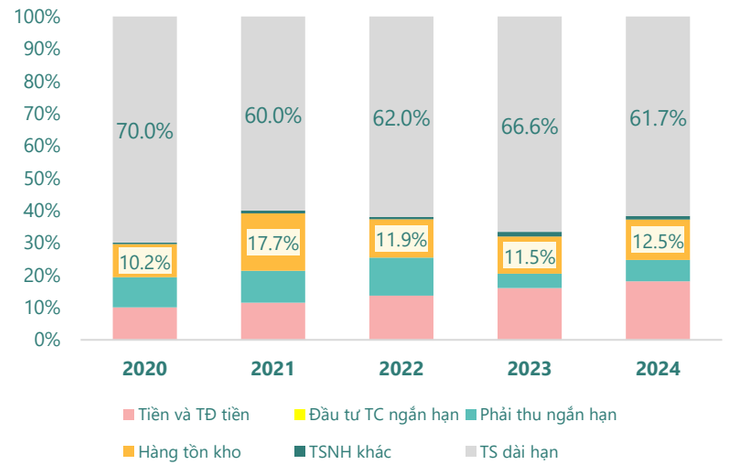
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



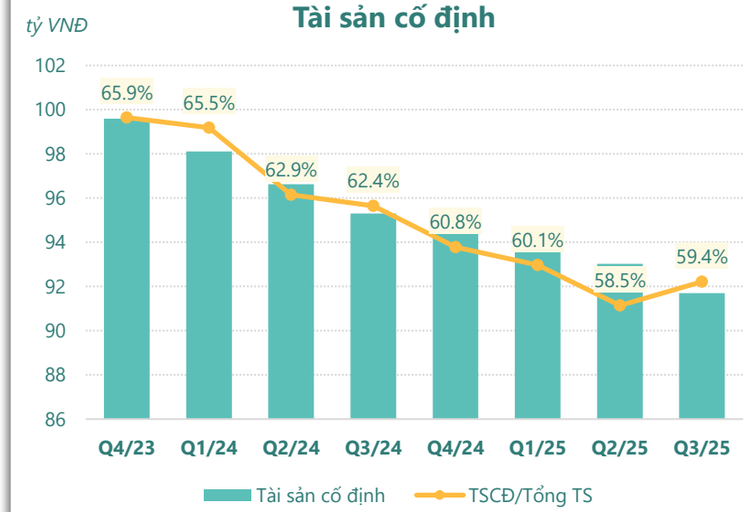
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



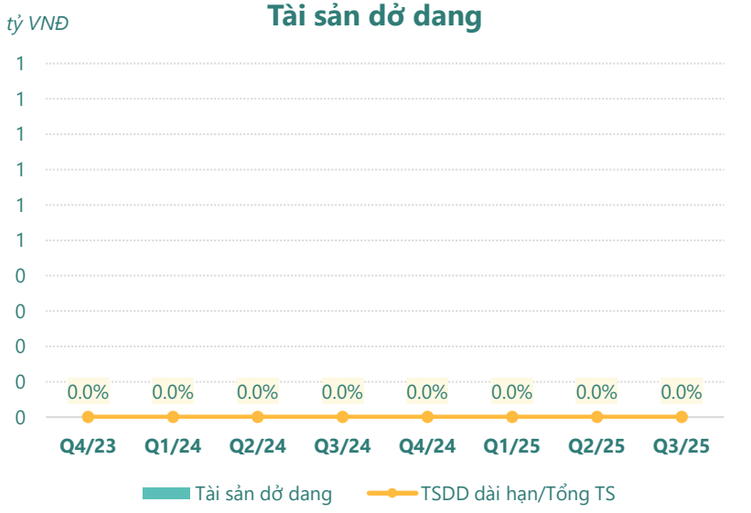
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



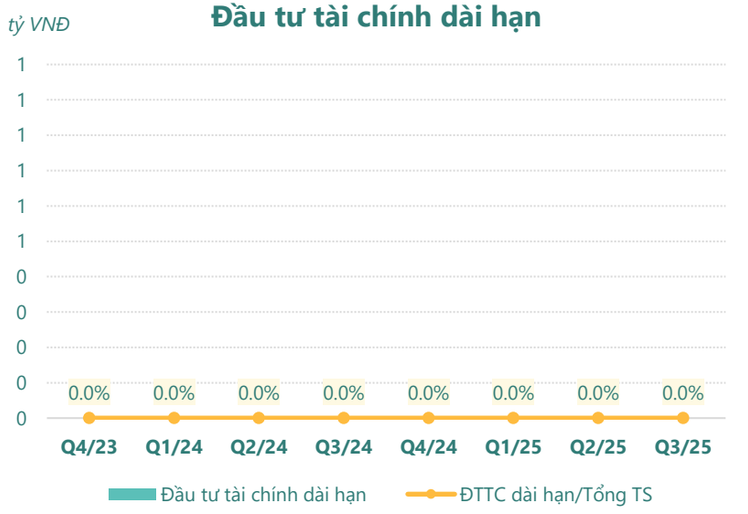
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



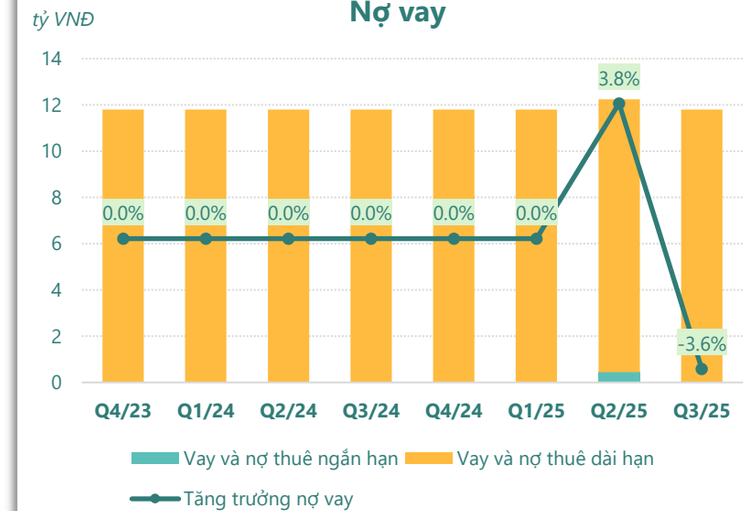
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

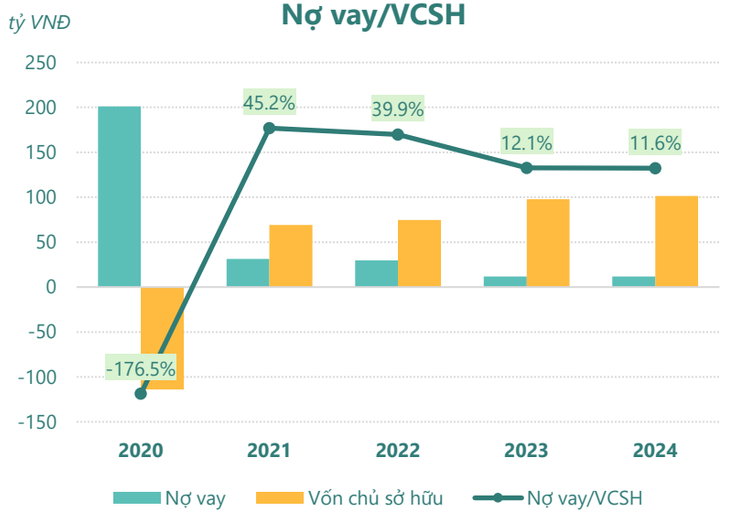
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

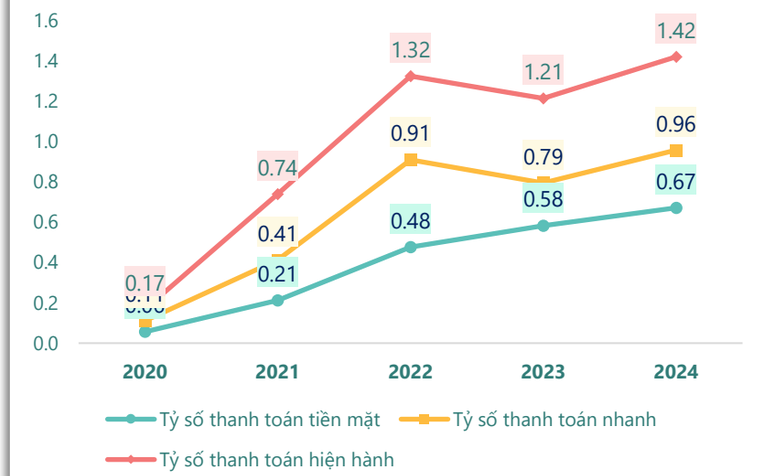
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



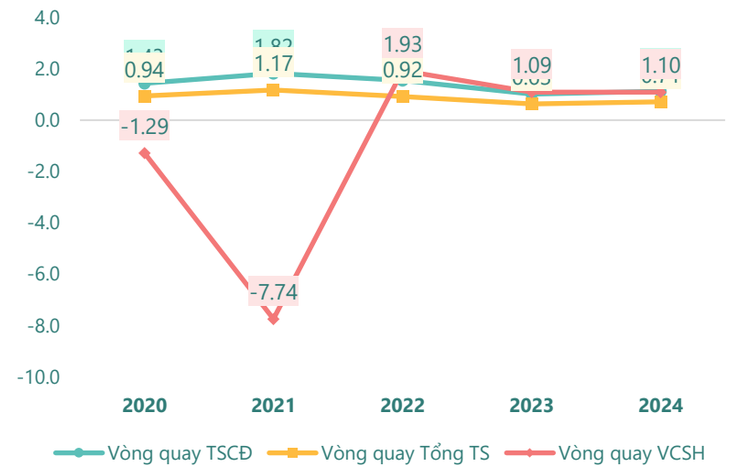
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



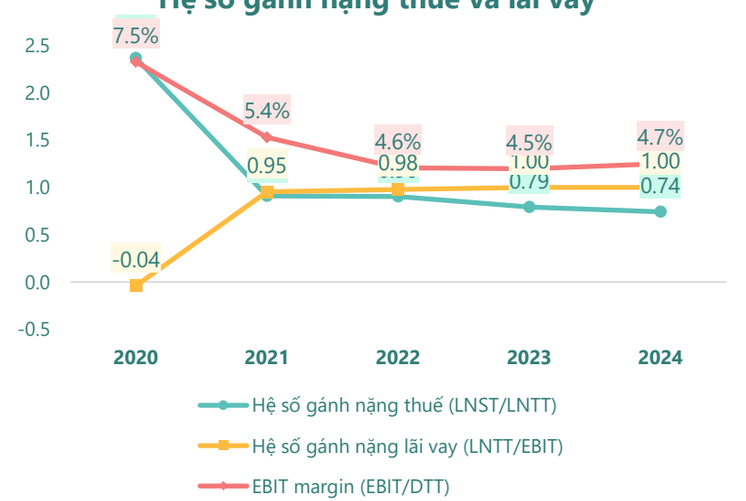
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



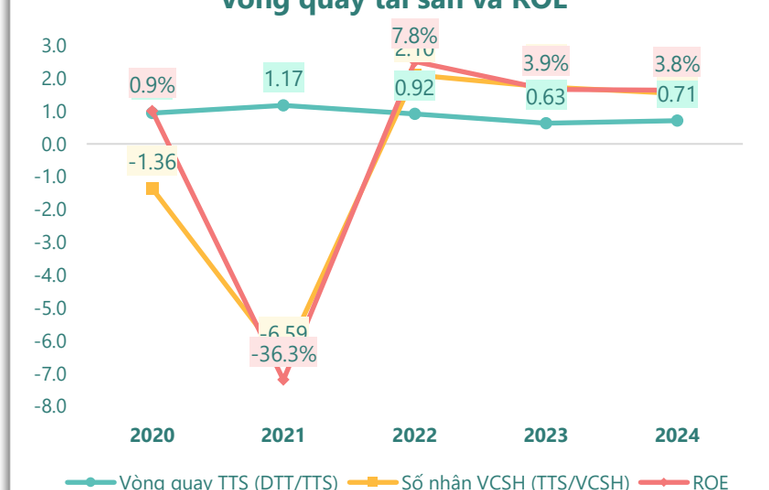
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



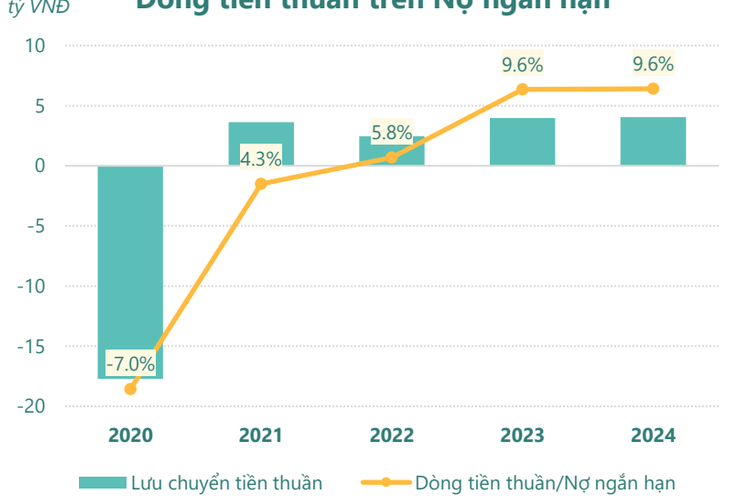
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**30.7**	**23.0**	**33.6%**	**79.7**	**76.8**	**3.8%**
Giá vốn hàng bán	23.7	17.0	39.6%	61.6	58.2	5.9%
Lợi nhuận gộp	6.98	5.97	17.0%	18.0	18.6	-2.9%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.18	-40.7%	0.35	0.40	-12.9%
Chi phí TC	0.13	0.05	153%	0.57	0.58	-1.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.11	3.11	-0.1%	8.00	9.19	-12.9%
Chi phí QLDN	**2.39**	**2.81**	**-15.1%**	**7.08**	**7.48**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	1.47	0.17	766%	2.73	1.73	57.7%
Lợi nhuận khác	**-0.15**	**0.58**	**-127%**	**2.47**	**0.57**	**337%**
LN trước thuế	1.32	0.75	75.6%	5.20	2.29	127%
Lợi nhuận sau thuế	**1.09**	**0.61**	**79.0%**	**4.18**	**1.71**	**145%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.09**	**0.61**	**79.0%**	**4.18**	**1.71**	**145%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.24	-4.65	6.51	-2.17	-3.43	7.71
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	-0.09	-0.48	-0.63	0.19	-0.83
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	24.6	27.0	22.2	28.2	25.4	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	**2.32**	**-4.74**	**6.02**	**-2.80**	**-3.24**	**6.88**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	27.0	22.2	28.2	25.4	22.2	29.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**154**	**156**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	60.9	59.7	2.0%
Tiền và tương đương tiền	29.1	28.2	3.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.2	10.3	38.3%
Hàng tồn kho	16.5	19.4	-15.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.13	1.79	-36.6%
Tài sản dài hạn	**93.4**	**96.1**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	91.7	94.7	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.66**	**1.33**	**24.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.7	54.4	-10.5%
Nợ ngắn hạn	**36.3**	**42.0**	**-13.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.5	23.9	-31.0%
Nợ dài hạn	12.3	12.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.8	11.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**106**	**101**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**106**	**101**	**4.1%**
Vốn điều lệ	162	162	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)